TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C,TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Huỳnh Mạnh Đông.

2. Bà Lê Trần Minh Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp Bình Long, xã Ô, huyện C, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Phú C, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp Bình Long, xã Ô, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lần hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị và anh C ly thân từ

tháng 02 năm 2012 cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị H xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Thị Như Ý, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000; Trịnh Thị Như Quỳnh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003. Hiện 02 cháu đang sống với chị H, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trịnh Phú C Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng anh C không phản hồi ý kiến.

Ngày 20/3/2018, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh C, anh C cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh chị ban đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn thua lỗ và vợ chồng đã ly thân khoảng 07 đến 08 năm. Chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về hôn nhân: Có 02 con chung tên Trịnh Thị Như Ý, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000; Trịnh Thị Như Quỳnh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003. Hiện 02 cháu đang sống với chị H. Anh C đồng ý nuôi con nếu con có nguyện vọng sống chung với anh và anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì hoàn cảnh khó khăn phải đi làm ăn xa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị H và anh C có mâu thuẫn trong cuộc sống và ly thân đã lâu, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Thị Như Ý, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000; Trịnh Thị Như Quỳnh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003, hiện đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng và hai cháu có nguyện vọng được sống chung với chị H. Theo nguyện vọng của hai cháu và để ổn định cuộc sống của hai cháu, nên đề nghị giao hai cháu Như Ý, Như Quỳnh cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh của cháu Như Ý, Như Quỳnh; Biên bản xác minh; Biên bản ghi lời khai; Đơn xin xét xử vắng mặt của chị H, anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, các đương sự có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị H và anh C kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C với lý do: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng ly thân đã từ tháng 02 năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị H xin được ly hôn với anh C.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị H, anh C, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị thì được ông Nguyễn Duy Danh – Trưởng ấp Long Bình cho biết vợ chồng anh C, chị H có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không còn sống chung với nhau nữa, anh C, chị H ly thân đã lâu. Qua thông tin mà Trưởng ấp Long Bình cung cấp, cùng với các lần Tòa án triệu tập anh C đến Tòa án để hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không đến tham dự, cho thấy anh C hoàn toàn không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng. Cho thấy, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ và chồng theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Thị Như Ý, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000; Trịnh Thị Như Quỳnh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003, hiện đang sống với chị H, chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu, hai cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H. Xét yêu cầu của chị H và nguyện vọng của hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tinh thần, sinh sống, học tập, vui chơi của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Như Ý, Như Quỳnh cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Phú C.

- Về con chung:

+ Có 02 con chung tên Trịnh Thị Như Ý, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000; Trịnh Thị Như Quỳnh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003.

+ Giao 02 cháu Trịnh Thị Như Ý, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2000; Trịnh Thị Như Quỳnh, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017292 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Ô, Mỹ Phú (khi án có hiệu lực);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chào **Phạm Văn Trung** **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Hòa (khi án có hiệu lực);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Huỳnh Văn Hùng **Trương Thị Thu Thủy** **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thủy (khi án có hiệu lực);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Giữ **Trương Thị Thu Thủy** **Lê Thị Hồng Thi**